

Bản án số: 45/2024/HSST

Ngày: 16/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Mạnh Linh và bà Nguyễn Ngọc Oanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 02/08/2024 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Trung T**, sinh ngày 22 tháng 03 năm 2002, tại tỉnh Yên Bái

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ F, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966; Con bà Đào Thị Kim C, sinh năm 1969. Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2024. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Y. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1970 - địa chỉ: Thôn Đ, xã Á, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966. Trú tại: Tổ F, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

+ Anh Hoàng Xa Phi L, sinh năm 1999. Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 12/3/2024, ông Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen - vàng, BKS: 21B2-331.24 đến nhà ông Nguyễn Văn T1 để thu hoạch cây trên đồi nhà ông T1 mà ông G đã mua trước đó. Khi thấy ông G đến, Nguyễn Trung T - là con ông T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông G. T nói dối mượn xe mô tô BKS: 21B2-331.24 của ông G để đi cắt tóc, ông G đồng ý và giao cho T mượn xe mô tô nói trên. Sau khi nhận tài sản của ông G, T gọi điện cho Hoàng Xa Phi L trao đổi về việc bán xe, L bảo T đến nhà L. Khi T mang xe mô tô đến nhà L tại tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, thì L không ở nhà nên T gọi điện cho L và thống nhất bán xe mô tô với giá tiền 7.000.000 đồng. L nhờ ông Hoàng Văn C1 (là bố của L) nhận xe, quay video T nói bán xe và trả cho T số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó, T cùng ông C1 kiểm tra xe mô tô BKS: 21B2-331.24 và các tài sản trong xe. Do tài sản trong xe có giá trị thấp nên T bỏ lại trong xe và giao xe cho ông C1. Sau khi bán xe T bỏ trốn khỏi địa phương đến sinh sống tại tỉnh Hà Nam. Còn ông G sau khi làm việc xong thì không thấy xe của mình và tìm không thấy T nên đến ông G cơ quan Công an trình báo.

* Đồ vật tài liệu thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen vàng, BKS: 21B2-331.24, xe cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc ví màu nâu, đã qua sử dụng, bên trong ví có số tiền 28.000 đồng, thu giữ trong cốp xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 21 005133 (bản sao); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và tự nguyện mô tô - xe máy số XM23 0148077; 01 căn cước công dân số 015070004298 mang tên Nguyễn Văn G; 02 giấy phép lái xe hạng A1 số 150078004263 mang tên Nguyễn Văn G và số 080235004233 mang tên Nguyễn Văn N; 03 thẻ bảo hiểm y tế có số lần lượt là GD4151520044288 mang tên Nguyễn Văn G, GD4151520023469 mang tên Nguyễn Trung K và GD4151520044287 mang tên Nguyễn Văn N.

* Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Y xác định:

+ Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda air blade, màu sơn đen - vàng, biển số 21B2-331.24, số khung: RLHJK1402PZ219739, số máy JK14E0196518. Xe cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 12/3/2024 là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng);

+ Chiếc ví màu nâu đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 12/3/2024 là 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng);

* Tại Kết luận giám định số: 193/KL-ĐGTS ngày 09/4/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Y kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; tổng số tiền 28.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 03/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Nguyễn Trung T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Trung T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường và đều không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên không xét.

- Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

* Về việc vắng người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại - ông Nguyễn Văn G; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Hoàng Xa Phi L; người làm chứng - ông Hoàng Văn C1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận điều tra, cáo trạng, nên có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/3/2024, tại tổ F, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Nguyễn Trung T đã sử dụng thủ đoạn gian dối (hỏi mượn xe đi cắt tóc) rồi chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn G 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda air blade, màu sơn đen - vàng, BKS: 21B2-331.24 trị giá 28.000.000 đồng; 01 chiếc ví màu nâu trị giá 20.000đồng, bên trong ví có số tiền 28.000 đồng (để trong cốp xe). Tổng số tài sản Nguyễn Trung T đã chiếm đoạt của ông G có giá trị là 28.048.000đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Hành vi do Nguyễn Trung T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo đưa ra thông tin giả, không đúng sự thật làm cho người bị hại tin tưởng nên đã đồng ý cho bị cáo mượn xe, sau khi nhận được tài sản bị cáo chiếm đoạt và bỏ trốn để chủ sở hữu không lấy lại được tài sản, số tiền có được do bán tài sản bị cáo đã sử dụng hết cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt một mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; đã tác động với bố để bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T1 là người có công với nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bố đẻ bị cáo đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX thấy, bị cáo đến làm việc theo Giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, chứ không tự giác đến Cơ quan công an trình báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về hành vi của các đối tượng có liên quan và trách nhiệm dân sự:

Người bị hại - ông Nguyễn Văn G đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Anh Hoàng Xa Phi L mua của Nguyễn Trung T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý L về hình sự là phù hợp; anh L đã nhận lại số tiền 7.000.000đồng do ông Nguyễn Văn T1 (bố đẻ Nguyễn Trung T) bồi thường thay cho bị cáo, không có yêu cầu, đề nghị gì khác về việc bồi thường, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 dùng tài sản riêng của mình đứng ra bồi thường cho anh Hoàng Xa Phi L thay cho bị cáo số tiền 7.000.000đồng, ông T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho mình số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với ông Hoàng Văn C1, là người trực tiếp thực hiện giao dịch mua xe mô tô Honda Airblade với Nguyễn Trung T, quay video về việc mua bán theo đề nghị của Hoàng Xa Phi L, ông C1 cũng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét, xử lý ông C1 là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không đặt ra giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Trung T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Trung T **01** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2024 (Ngày tạm giam bị cáo).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày,

kể từ ngày tuyên án; vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CATPYB;
- Bị cáo TG (01)
- Người bị hại (01);
- Người liên quan (2);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy